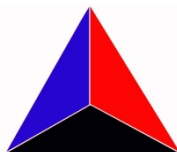


CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
VVMI – MANUFACTURING AND MATERIAL EQUIPMENT TRADING JSC

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101854047 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 06 tháng 04 năm 2016)

Bản Thông tin tóm tắt này sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư Thiết bị - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội

Điện thoại: 043. 8833.247 Fax: 043.9689.871

Website: vttbvietchina-vvmi.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 043.944.5888 Fax: 043. 944.5889 Website: www.vise.com.vn

Người phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Phạm Đức Khiêm

Chức vụ: Giám đốc

Số điện thoại: 043. 8833.247

Fax: 043.9689.871

**MỤC LỤC**

1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	2
1.1	Giới thiệu chung về tổ chức	2
1.2	Quá trình hình thành và phát triển	3
1.3	Quá trình tăng vốn	5
2.	Cơ cấu tổ chức công ty.....	6
3.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	10
3.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại thời điểm 25/10/2016.....	10
3.2.	Danh sách cổ đông sáng lập	11
3.3.	Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 25/10/2016.....	11
4.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.	11
4.1	Công ty mẹ của Công ty.....	11
4.2	Công ty con.....	12
5.	Hoạt động kinh doanh.	12
5.1	Các sản phẩm chính của công ty.....	12
5.2	Cơ cấu Doanh thu thuần về cung cấp hàng hóa và dịch vụ.....	12
5.3	Chi phí sản xuất	13
5.4.	Công nghệ sản xuất.....	13
5.5	Tình hình nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới	18
6.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.	19
6.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh	19
6.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh	20
7.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	20
8.	Chính sách đối với người lao động.....	21
8.1	Số lượng cán bộ nhân viên của công ty.....	21
8.2	Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp	22
9.	Chính sách cổ tức.....	23
10.	Tình hình tài chính.....	23
10.1	Các chỉ tiêu cơ bản.....	23
10.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	27
12.	Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)	27
12.1.	Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015.....	27
12.2.	Tình hình đất đai tại thời điểm 30/06/2016:.....	28
13.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016.....	28



14.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	30
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty.....	32
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	32
II.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	32
1.	Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị.....	32
2.	Ban kiểm soát	38
3.	Giám đốc và các cán bộ quản lý.	41
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	42
III.	PHỤ LỤC	42



I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức

- ❖ Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
- ❖ Tên công ty bằng Tiếng Anh: VVMI – MANUFACTURING AND MATERIALS EQUIPMENT TRADING JOINT STOCK COMPANY
- ❖ Trụ sở chính: Tổ 12, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội
- ❖ Điện thoại: 043 883 3247
- ❖ Fax: 043 968 9871
- ❖ Website: <http://vttbvietchina-vvmi.com.vn/>
- ❖ Vốn điều lệ đăng ký: 12.500.000.000 đồng (Mười hai tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn)
- ❖ Vốn điều lệ thực góp: 12.500.000.000 đồng (Mười hai tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn)
- ❖ Logo:



V V M I

- ❖ Ngày trở thành công ty đại chúng: Ngày 20/10/2016
- ❖ Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức Khiêm – Giám đốc
- ❖ Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101854047 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 06 tháng 04 năm 2016.
- ❖ Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Kinh doanh vật tư, thiết bị phụ tùng, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống;
 - Kinh doanh vỏ bao xi măng;
 - Kinh doanh lưới thép nóc lò.

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Mã chứng khoán: TB8
- Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD: 1.250.000 cổ phần
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu (chiếm 0% chứng khoán đăng ký giao dịch)



- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ và Thông tư số 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tại thời điểm 25/10/2016, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần, tương ứng 0%.

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư Thiết bị - VVMI tiền thân là Xí nghiệp Vật tư Vận tải và Chế biến Than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, được thành lập theo quyết định số: 390/NL - TCCB ngày 26/6/1983 của Bộ Năng lượng. Trong thời kỳ bao cấp, Công ty có nhiệm vụ vận chuyển than của hai mỏ than Khánh Hòa và Núi Hồng đi tiêu thụ tại các tỉnh phía Bắc và cung cấp cho Nhà máy Nhiệt điện Thái Nguyên. Ngoài ra, công ty còn làm nhiệm vụ tiếp nhận, vận chuyển vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu cấp phát cho các đơn vị trong Công ty than III. Cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty lúc bấy giờ bao gồm hàng trăm xe ô tô với đủ các chủng loại xuất xứ từ nhiều nước khác nhau như Liên Xô, Tiệp Khắc, Nhật Bản, Đức... Cùng với hệ thống kho bãi phục vụ công tác tiếp nhận, tập kết, bảo quản và cấp phát vật tư, nhiên liệu, công ty còn sở hữu đội ngũ công nhân dịch vụ kỹ thuật lành nghề chuyên sửa chữa bảo dưỡng ô tô và các máy móc thiết bị khác.

Năm 1992, khi nền kinh tế đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, các thành phần kinh tế đều bình đẳng phát triển trước sự khắc nghiệt của cơ chế thị trường, Công ty đã từng bước sắp xếp sản xuất chuyển đổi cơ cấu đa dạng hóa ngành nghề để tồn tại và phát triển, nhạy bén trước nhu cầu về chất đốt phục vụ cho thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận. Công ty đã đầu tư một hệ thống dây chuyền sản xuất than tổ ong của Trung Quốc với công suất 35.000.000 viên/ năm, các công đoạn sản xuất được cơ giới hóa, về cơ bản các xưởng sản xuất đã giải quyết được công ăn việc làm cho CBCNV công ty.

Năm 1995, với chủ trương đa dạng ngành nghề, đa dạng hóa sản phẩm dựa trên nền sản xuất kinh doanh than, Công ty đã đầu tư thêm một xưởng sản xuất vỏ bao xi măng cung cấp cho Nhà máy Xi măng La Hiên, một xưởng sản xuất bếp đun than, một xưởng sản xuất lưới thép lót nóc lò cung cấp cho các mỏ khai thác than hầm lò của ngành than. Công ty đã thành lập trạm chế biến và kinh doanh than với mục đích mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo thêm công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

Từ năm 1996 đến nay, công ty không ngừng đầu tư, mở rộng sản xuất, tăng cường công tác Marketing, tìm nguồn hàng. Do đó, việc làm và thu nhập cho người lao động luôn được bảo đảm; Uy tín của công ty trên thị trường không ngừng được nâng cao, Công ty liên



tục hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, được Nhà nước, cấp trên tặng thưởng nhiều huân, huy chương và các danh hiệu thi đua cao quý khác.

Theo quyết định số 68/2004/QĐ-BCN ngày 30/07/2004 của Bộ Công nghiệp, đơn vị đã được cổ phần hóa từ “Xí nghiệp vật tư vận tải và chế biến than” thành “Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư Thiết bị -VVMI” với số vốn điều lệ là 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng, là công ty cổ phần với 51% vốn Nhà nước (đại diện phần vốn Nhà nước là Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV – CTCP), vận hành theo mô hình công ty mẹ - công ty con và hoạt động theo Luật doanh nghiệp hiện hành. Từ đó tới nay, công ty đã tạo dựng được nguồn vốn, đầu tư thêm dây chuyền sản xuất vỏ bao xi măng với công suất 10.000.000 vỏ/năm. Bên cạnh đó, công ty còn đầu tư thêm máy đan lưới thép liên hoàn.

Đến quý III năm 2009, theo cơ chế của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam, phần kinh doanh và chế biến than của công ty bàn giao cho Công ty cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc tiếp nhận, công ty chỉ tập trung vào kinh doanh vật tư và sản xuất hai loại sản phẩm là lưới lót nóc lò và sản xuất vỏ bao xi măng.

Năm 2010, công ty tiến hành mở rộng nâng cấp dây chuyền sản xuất vỏ bao xi măng với công suất 20.000.000 vỏ/ năm và đầu tư thêm một xe ô tô trọng tải 8 tấn để phục vụ tiêu thụ lưới thép và vỏ bao xi măng.

Từ khi cổ phần hóa đến nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được mở rộng, thu hút thêm hàng trăm lao động vào làm việc, sản xuất kinh doanh tăng trưởng, đời sống của người lao động luôn giữ ổn định và cải thiện. Đơn vị cân đối được tài chính và luôn đạt lợi nhuận theo kế hoạch cấp trên giao. Đời sống vật chất và tinh thần CBCNV được cải thiện rõ rệt.





Công ty đã nhận tặng thưởng huân chương lao động hạng 3 và được nhận bằng khen Bộ Công Thương năm 2015.

1.3 Quá trình tăng vốn

Tóm tắt quá trình tăng vốn của công ty

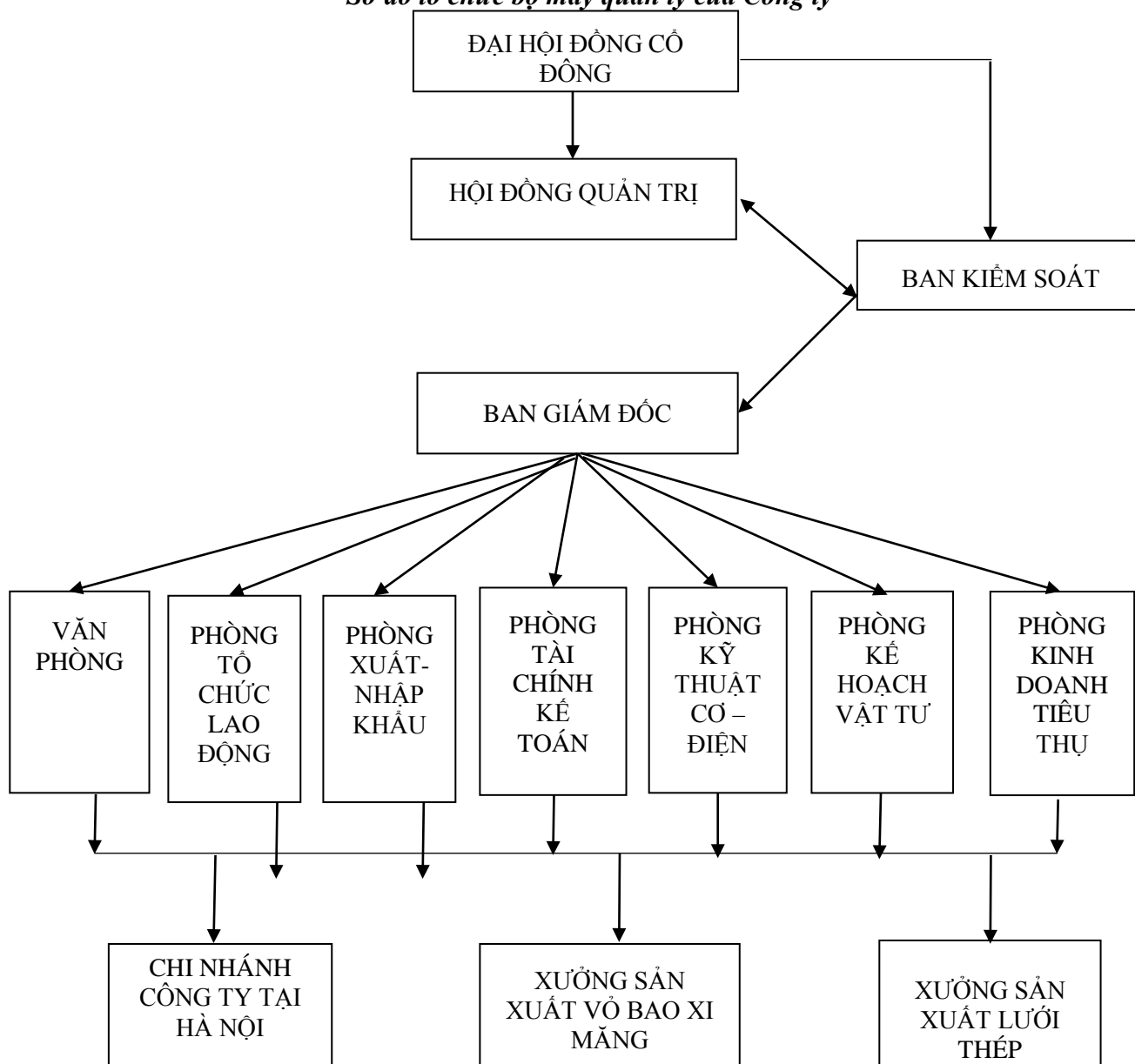
Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	Tháng 9/2012	3.000	6.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 ngày 29/03/2012 thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu thưởng ngày 06/09/2012; - Giấy CNĐKKD số 0101854047 do Sở KH và ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 03 ngày 19/09/2012
2	Tháng 04/2016	6.500	12.500	Phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1.0833	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 ngày 31/03/2016 thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ ; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu thưởng ngày 01/04/2016; - Giấy CNĐKKD số 0101854047 do Sở KH và ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 04 ngày 06/04/2016

Nguồn: CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI



2. Cơ cấu tổ chức công ty

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

❖ **Hội đồng quản trị:** Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để quản trị công ty giữa hai nhiệm kỳ đại hội, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ quyết định. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.



Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ của Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư Thiết bị -VVMI bầu. Hiện tại, Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên, trong đó có một Chủ tịch hội đồng quản trị và bốn thành viên. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ tối đa là 5 năm và có thể bầu lại tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Cơ cấu HĐQT đương nhiệm:

1. Đồng Quang Lục - Chủ tịch HĐQT
2. Phạm Đức Khiêm - Thành viên HĐQT
3. Phạm Đình Tuấn - Thành viên HĐQT
4. Ngô Minh Vinh - Thành viên HĐQT
5. Lưu Văn Hưng - Thành viên HĐQT

❖ **Ban kiểm soát:** Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị, điều hành của công ty và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh một cách khách quan nhằm bảo đảm lợi ích cho các cổ đông. Hiện tại, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ của ban kiểm soát không quá 05 năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Cơ cấu ban kiểm soát đương nhiệm:

1. Nguyễn Hồng Hạnh - Trưởng ban kiểm soát
2. Lê Thị Hồng Cẩm - Ủy viên ban kiểm soát
3. Tô Toàn Thắng - Ủy viên ban kiểm soát

❖ **Ban Giám đốc công ty:** Do HĐQT bổ nhiệm hoặc thuê để quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hiện tại công ty có một giám đốc và một phó giám đốc đương nhiệm. Trách nhiệm chính của Ban Giám đốc là:

- Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh hàng năm và thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại gồm:

1. Phạm Đức Khiêm - Giám đốc
2. Ngô Minh Vinh - Phó giám đốc

Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban:



❖ **Phòng tổ chức lao động:** Giúp HĐQT và giám đốc công ty thống nhất quản lý nghiệp vụ công tác tổ chức cán bộ, công tác lao động tiền lương – đào tạo, thi đua, theo dõi chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho nhân viên công ty...

❖ **Văn phòng:** Tiếp nhận công văn, giấy tờ gửi đến công ty, và chuyển cấp có thẩm quyền giải quyết, theo dõi và quản lý lịch làm việc của cán bộ công ty, đảm nhiệm công tác thanh tra, bảo vệ - quân sự, công tác y tế toàn công ty...

❖ **Phòng xuất nhập khẩu:** Có chức năng và nhiệm vụ quản lý điều hành thực hiện các hoạt động đối ngoại, phân tích, mở rộng thị trường và giới thiệu sản phẩm, khai thác nội địa và nhập khẩu để cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh và quản lý.
Bao gồm:

- Kinh doanh vật tư thiết bị: chức năng cung cấp thông tin kinh tế, giá cả thị trường các chủng loại vật tư, nguyên nhiên vật liệu cho Công ty và các đơn vị có liên quan. Mua sắm, cung cấp đầy đủ kịp thời vật tư, máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu để sản xuất các sản phẩm, thi công các công trình phục vụ hoạt động sản xuất của các mỏ các đơn vị trong Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam và các đơn vị ngoài tập đoàn.

- Xuất nhập khẩu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng thương mại trong nước cho các mỏ của các đơn vị trong tập đoàn than khoáng sản Việt Nam và các đơn vị khác.

❖ **Phòng kế hoạch vật tư:** Giúp HĐQT và giám đốc công ty thống nhất quản lý nghiệp vụ công tác kế hoạch vật tư – đầu tư trong công ty theo đúng quy định của Nhà nước, quy định của cấp trên, điều lệ hoạt động của công ty và các quy định khác của công ty, cụ thể:

- Tổ chức xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn trong Công ty.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch giá thành sản xuất, định mức tiêu hao vật tư, năng suất thiết bị và chỉ tiêu giao khoán. Giám sát và nghiệm thu giá thành sản xuất và định mức giao khoán. Đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh trong Công ty.

- Xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị, nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất và kinh doanh của Công ty trong năm kế hoạch và dài hạn.

- Tổ chức quản lý kho bãi vật tư, nguyên liệu và sản phẩm, kiểm tra giám sát tình hình quản lý và sử dụng vật tư nguyên liệu. Đề xuất phương án xử lý vật tư tồn kho, ứ đọng trong công ty.

- Tổ chức quản lý hồ sơ sổ sách về công tác kế hoạch vật tư.



❖ **Phòng tài chính kế toán:** Giúp HĐQT và giám đốc công ty, tổ chức công tác hạch toán kế toán, công tác thống kê tài chính theo pháp lệnh kế toán – thống kê – tài chính của Nhà nước, quy định của cấp trên và điều lệ Công ty, cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch và theo dõi quản lý tình hình sử dụng nguồn vốn của Công ty, tham mưu, đề xuất các biện pháp phát triển nguồn vốn, sử dụng nguồn vốn của Công ty có hiệu quả.

- Lập và phân tích báo cáo tài chính định kỳ quý, 6 tháng và năm để phục vụ cho công tác quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán, xây dựng các thủ tục hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán, quy trình luân chuyển chứng từ phục vụ công tác kế toán, thống kê của Công ty; Đánh giá mức độ tin cậy và tính toàn diện của các thông tin tài chính;

- Tham mưu cho Giám đốc về việc kiểm soát hiệu quả chi phí đối với các hoạt động của Công ty.

❖ **Phòng kỹ thuật cơ điện:** Giúp HĐQT và giám đốc công ty thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý kỹ thuật về công tác cơ điện, cơ khí, vận tải phục vụ SXKD của công ty, cụ thể:

- Quản lý việc sử dụng máy móc, thiết bị trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, điện, nước trong Công ty, đảm bảo phục vụ sản xuất liên tục, an toàn và độ bền của thiết bị, máy móc.

- Thực hiện chức năng nghiên cứu để sản xuất sản phẩm mới, nghiên cứu áp dụng công nghệ mới hiện đại, tiên tiến; cải tiến, nâng cấp và mua sắm, trang bị thêm máy móc, thiết bị cho Công ty nhằm nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm.

- Tổ chức tốt hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm cho từng công đoạn sản xuất, từng sản phẩm để đảm bảo hàng hoá bán ra đạt chất lượng..

❖ **Phòng kinh doanh tiêu thụ:** Là phòng chuyên môn có nhiệm vụ trực tiếp thực hiện kinh doanh vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dịch vụ và tiêu thụ một số sản phẩm của công ty.

- Tham gia xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

- Tổ chức nghiên cứu mở rộng thị trường; Tiếp thị đàm phán và soạn thảo các hợp đồng mua bán sản phẩm.

- Tổ chức thực hiện giao hàng cho khách hàng ; Quản lý, theo dõi, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các hợp đồng mua bán.



- Báo cáo kết quả tiêu thụ, tiến hành các hoạt động giới thiệu sản phẩm và tổng hợp sản lượng tiêu thụ sản phẩm hàng tháng.

❖ **Xưởng sản xuất lưới thép lót nóc lò:** sản xuất lưới thép lót nóc lò cung cấp đủ cho các mỏ than ở Quảng Ninh, phục vụ cho việc khai thác than theo yêu cầu của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam và Tổng giám đốc công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc và quy định của công ty.

❖ **Xưởng sản xuất vỏ bao xi măng:** sản xuất vỏ bao xi măng cung cấp cho CTCP Xi măng La Hiên VVMI. Ngoài ra, Xưởng còn có bộ phận kinh doanh xi măng và các vật liệu xây dựng theo yêu cầu của Tập đoàn CN than khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc và quy định của Công ty.

❖ **Chi nhánh công ty tại Hà Nội**

Địa chỉ: Thôn Trung, Xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, Hà Nội

Tổ chức thực hiện công tác kinh doanh vật tư thiết bị, kinh doanh than than của đơn vị mình đảm bảo các nguyên tắc quản lý của Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam và Tổng giám đốc công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc và quy định của công ty. Tổ chức sản xuất các sản phẩm phụ kiện hầm lò như Gông lò, thanh găng...

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại thời điểm 25/10/2016

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	Số 1 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội	0100100015	637.507	51%
2	Phạm Đức Khiêm	Thôn Lực Canh, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh, Hà Nội	001068004275	150.331	12,03%
	Tổng cộng			787.838	63,03

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 25/10/2016 của CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI



3.2. Danh sách cổ đông sáng lập: Không có

3.3. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 25/10/2016

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ / Vốn điều lệ
I	Cổ đông trong nước	100	1.250.000	100%
1	Cá nhân	99	612.493	49%
2	Tổ chức	01	637.507	51%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
1	Cá nhân	0	0	0%
2	Tổ chức	0	0	0%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 25/10/2016 của CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.

4.1 Công ty mẹ của Công ty: Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP

Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty và thương hiệu của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP.

- Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0100100015 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/04/2006, cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 01/10/2015.
- Vốn điều lệ: 1.050.000.000.000 đồng.
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Công nghiệp than: Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, sàng tuyển, chế biến, kinh doanh các sản phẩm than;
 - Công nghiệp khoáng sản: Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, làm giàu quặng, sản xuất và kinh doanh khoáng sản;
 - Công nghiệp vật liệu xây dựng: Đầu tư, xây dựng, sản xuất và kinh doanh xi măng; vật liệu xây dựng, vỏ bao xi măng và các sản phẩm bao bì khác.
- Điện thoại: 04 36647515 Fax: 04 36647493



- Vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI (tính theo mệnh giá) : 6.375.070.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ của công ty.

4.2 Công ty con: Không có

5. Hoạt động kinh doanh.

5.1 Các sản phẩm chính của công ty

Sản phẩm chính của Công ty bao gồm:

- Vỏ Bao xi măng: Loại KPK
- Sản xuất kéo rút dây thép
- Phụ kiện hầm lò: Lưới thép lót nóc lò và Gông lò
- **Vỏ bao xi măng KPK:** là loại bao bì ba lớp, gồm bên ngoài giấy Kraft được tráng ghép manh dệt PP, bên trong lót 1 lớp giấy Kraft được dùng để đóng bao xi-măng trọng lượng 50kg. Ưu điểm của loại vỏ bao này là không bụi, không bết giấy, chống hút ẩm, bảo quản tốt.
- **Lưới thép nóc lò:** cung cấp cho các đơn vị thực hiện khai thác than hầm lò nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình thi công, đào chống lò, khai thác than.

Thông số kỹ thuật của lưới thép nóc lò của Công ty:

- Đường kính dây thép nguội 2,2 – 4mm;
- Chiều dài mắt lỗ lưới – Mắt lưới 30 - 80mm;
- Chiều rộng tấm lưới 08 - 2.5m;
- Chiều dài tấm lưới Theo yêu cầu khách hàng
- Chiều dày tấm lưới 14 – 20mm;
- **Sản xuất Kéo rút dây thép:** sản phẩm chính của công ty là dây thép hợp kim Φ 2.5, dùng để sản xuất lưới thép lót nóc lò và để cung cấp cho các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

5.2 Cơ cấu Doanh thu thuần về cung cấp hàng hóa và dịch vụ

❖ **Cơ cấu Doanh thu thuần**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		6 tháng năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa	421.977.771	97,78%	405.304.059	99,07%	195.285.447	99,85
2. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	9.577.558	2,22%	3.808.625	0,93%	301.818	0,15



Tổng Doanh thu thuần	431.555.330	100%	409.112.684	100%	195.587.265	100%
-----------------------------	--------------------	-------------	--------------------	-------------	--------------------	-------------

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC kiểm toán soát xét 06 tháng năm 2016 của CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI)

5.3 Chi phí sản xuất

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		6 tháng năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	398.767.179	93,13%	371.987.999	92,01%	174.289.863	90,64%
Chi phí tài chính	2.503.905	0,58%	1.921.396	0,48%	724.348	0,37%
Chi phí bán hàng	16.525.594	3,86%	14.786.427	3,66%	7.686.986	4,00%
Chi phí Quản lý Doanh nghiệp	10.384.167	2,43%	15.585.867	3,86%	9.593.975	4,99%
Tổng chi phí	428.180.845	100%	404.281.689	100%	192.295.172	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC kiểm toán soát xét 06 tháng năm 2016 của CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI)

5. 4. Công nghệ sản xuất

Công ty được đầu tư các dây chuyền hiện đại của Đài Loan và Ấn Độ với hệ thống máy móc thiết bị của Công ty được đánh giá là hiện đại, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc sản xuất. Công suất sản xuất bao bì xi măng đạt 20 triệu vỏ/năm. Dây chuyền cán, kéo rút thép có công suất 5 nghìn tấn/năm. Riêng về sản xuất lưới thép, Công ty đã đầu tư xưởng sản xuất từ năm 1998 và là đơn vị duy nhất có khả năng đáp ứng mọi nhu cầu về kích thước, chiều dài, chiều rộng lưới và mắt lưới cũng như các thông số kỹ thuật khác do khách hàng yêu cầu. Nhằm đáp ứng tốt hơn cho các doanh nghiệp ngành Than - Khoáng sản cũng như chủ động trong sản xuất, tạo thêm việc làm cho người lao động, vừa qua, Công ty đã đầu tư mở rộng xưởng sản xuất thêm 200 m², công suất đạt 2,5-3 triệu m²/năm.



Dây chuyền Sản xuất vỏ bao xi măng



Dây chuyền Sản xuất Lưới lót nôt lò



Dây chuyền Sản xuất kéo rút thép



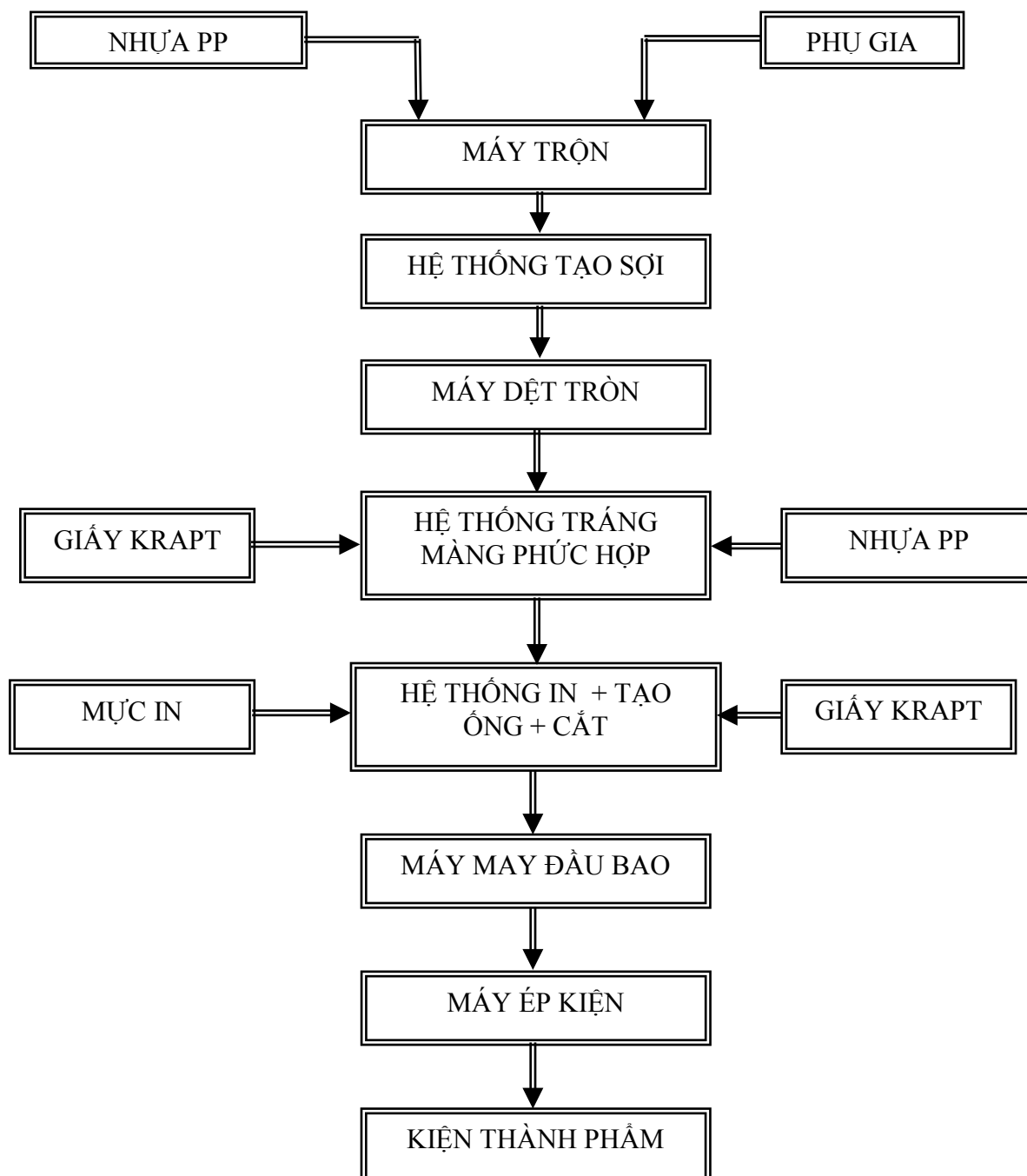
Sản xuất Gông lò

Một số hình ảnh về các Dây chuyền sản xuất của Công ty



a) Công nghệ sản xuất vỏ bao xi măng

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT VỎ BAO XI MĂNG



Nguồn: CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI

Thuyết minh dây chuyền sản xuất sản phẩm vỏ bao xi măng:

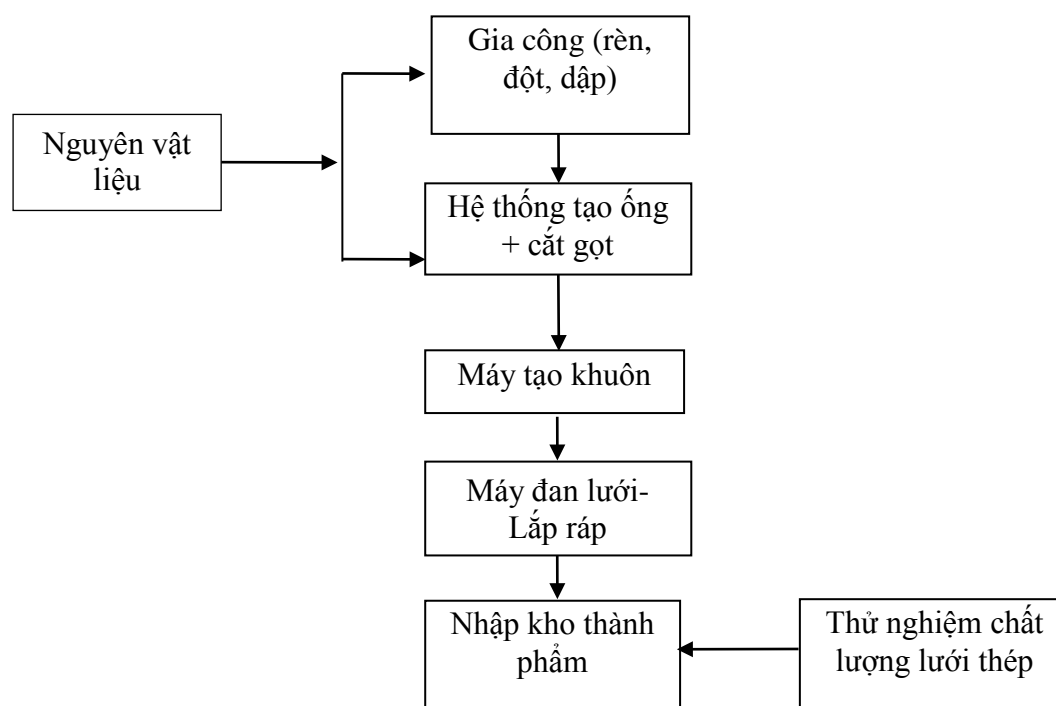
- Các yếu tố đầu vào chủ yếu của hệ thống bao: Hạt nhựa PP, Giấy Kraft, mực in,...
- Máy trộn: Phụ gia và hạt nhựa sẽ được trộn đều ở máy.
- Hệ thống tạo sợi: Ở giai đoạn này hạt nhựa và phụ gia sau khi được trộn đều sẽ được kéo thành sợi.



- Máy dệt tròn : Giai đoạn này máy dệt làm nhiệm vụ dệt các sợi nhựa thành manh dệt.
- Hệ thống tráng màng: Manh dệt và giấy Kraft (được đưa vào từ bên ngoài) sẽ được dán lại với nhau bằng một lớp nhựa (được lấy từ bên ngoài) tạo thành manh tráng PK.
- Hệ thống in – tạo ống: Sản phẩm tráng PK tiếp tục kết hợp với lớp giấy Kraft khác và thông qua hệ thống in – tạo ống để tạo thành các bao xi măng (gọi là KPK) có chiều dài 0.7 – 0.8m.
- Máy may đầu bao: Hệ thống may làm nhiệm vụ may đầu bao tạo sản phẩm.
- Máy ép kiện, kiện thành phẩm: Giai đoạn này làm nhiệm vụ đóng gói sản phẩm và đưa vào phục vụ thị trường.

b) Công nghệ sản xuất lưới thép

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT LƯỚI THÉP



Nguồn: CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI

Quy trình công nghệ sản xuất trải qua 4 giai đoạn:

- Giai đoạn chuẩn bị: Ở giai đoạn này, phân xưởng lưới thép sử dụng các nguyên vật liệu như, vòng bi côn... để tạo kết cấu thép.
- Giai đoạn gia công: Đối với thép chưa qua xử lý được đưa vào máy rèn, đột, dập ... để được các chi tiết như yêu cầu. Thời gian giai đoạn này tùy thuộc vào loại thép mà công ty sử dụng.
- Giai đoạn tạo khuôn: Giai đoạn gồm 2 bước

Bước 1: Nguyên vật liệu sau khi gia công được đưa vào hệ thống và cắt gọt.

Bước 2: Các phiôi tạo ra sẽ được xử lý qua máy tạo khuôn đan, lắp ráp với nhau.

- Giai đoạn nhập kho: Ở giai đoạn này các sản phẩm có thể trải qua công đoạn mạ sau khi



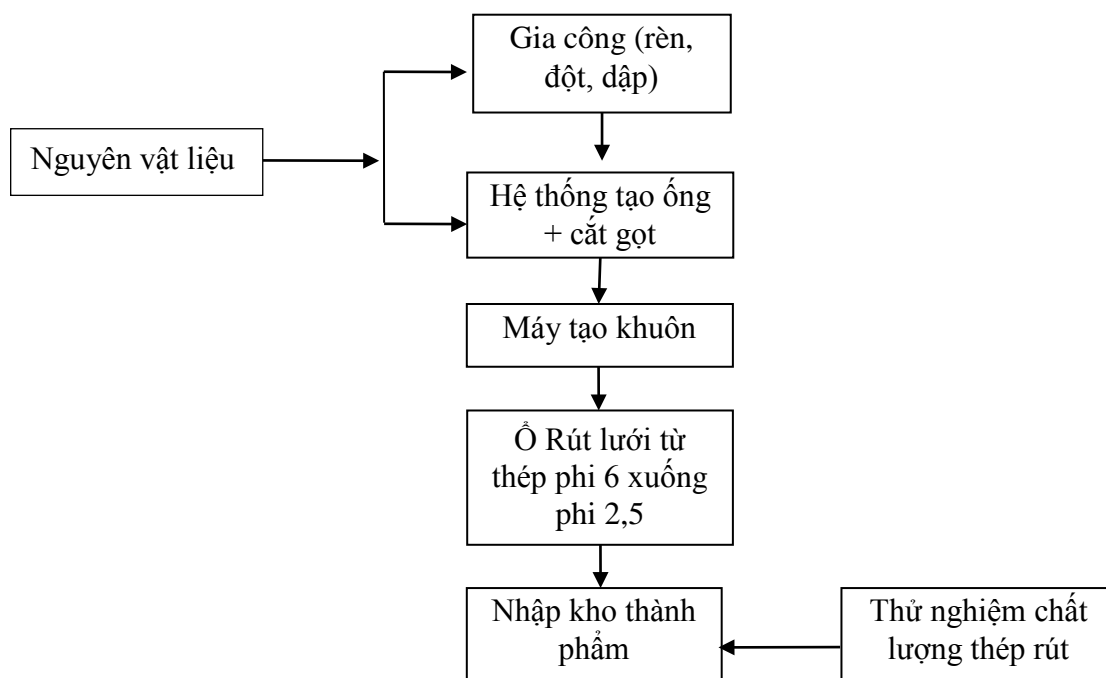
hoàn thành, giai đoạn nhập kho gồm 2 bước:

Bước 1: Sản phẩm được thử nghiệm chất lượng.

Bước 2: Nhập kho các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng.

c) *Kéo rút thép*

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ SẢN KÉO RÚT THÉP



Nguồn: CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI

5.5 *Tình hình nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới*

Ngoài các sản phẩm truyền thống, Ban Lãnh đạo Công ty đã quyết định đầu tư trang thiết bị để đa dạng hoá sản phẩm mới nhằm tương hỗ cho các sản phẩm hiện tại. Công ty đã mở xưởng sản xuất Gông lò tại Chi nhánh Công ty để cung cấp cho các đơn vị khai thác than trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty đã bắt tay vào nghiên cứu và đưa ra thị trường sản phẩm “mới” phù hợp với mô hình của mình, đó là loại vỏ bao đựng sản phẩm Hydrat nhôm, bao đựng ôxyt nhôm và bao Jumbo đựng Alumin, cung cấp cho các doanh nghiệp trong nước và Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng – Vinacomin thuộc Tập đoàn. Đặc biệt, đối với loại bao Jumbo, Công ty đã tận dụng được đến hơn 70% thiết bị và dây chuyền may vỏ bao xi măng để may vỏ bao jumbo. Chất lượng sản phẩm của Công ty đã được xác nhận bởi Công ty TNHH GREIF Việt Nam – một công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài, trực thuộc Tập đoàn GREIF, một tập đoàn hàng đầu thế giới trong lĩnh vực sản xuất các loại bao bì đóng gói công nghiệp.



Sản xuất vỏ bao Jumbo

Kiểm tra chất lượng vỏ bao Jumbo

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh năm 2014 và 2015

(đơn vị tính: nghìn đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm 2015 so với 2014	6 tháng năm 2016
Tổng giá trị tài sản	89.399.004	90.391.349	1,11%	124.458.856
Vốn chủ sở hữu	12.644.428	14.365.251	13,61%	16.885.403
Doanh thu thuần	431.555.330	409.112.684	-5,20%	195.587.265
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.416.836	4.872.178	42,59%	3.709.621
Lợi nhuận khác	627.882	-4.409	-100,70%	-402.394
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.044.718	4.867.768	20,35%	3.307.227
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.157.893	3.768.037	19,32%	2.520.152
Giá trị sổ sách	21	24	13,61%	13
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	28,5%	23,88%	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và BCTC kiểm toán soát xét 06 tháng năm 2016 của CTCP

Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI

Doanh thu năm 2015 giảm 5,2% so với doanh thu năm 2014 do sản lượng và giá bán các sản phẩm trong năm 2015 đều bị sụt giảm. Riêng mặt hàng lưới thép lót nóc lò – nguồn thu quan trọng nhất của Công ty, trong năm 2015 giá bán ba lần giảm tổng cộng 13%; trong khi đó, do ảnh hưởng của mưa lũ, một số mỏ hầm lò phải ngừng sản xuất, một số mỏ thay đổi công nghệ khai thác khiến cho sản lượng chỉ bằng 92% so với năm 2014, doanh thu mặt hàng này giảm hơn 4 tỷ đồng. Mặt hàng kéo rút thép bán cho CTCP Cơ khí và Thiết bị áp lực chỉ đạt khoảng 42% so với năm 2014 nên sản lượng tiêu thụ kéo rút thép năm 2015 giảm hơn 800 tấn, doanh thu giảm gần 12 tỷ đồng so với năm 2014.



6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Thuận lợi

Công ty đã thực hiện cơ cấu lại lao động tại các bộ phận sản xuất và kinh doanh tinh gọn nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Công tác đào tạo được chú trọng nên trình độ, tay nghề của người lao động ngày càng hoàn thiện hơn. Dây chuyền sản xuất, quy trình sản xuất được đồng bộ hóa, hoạt động có hiệu quả và thường xuyên được cải tiến nhằm đảm bảo sản phẩm đạt yêu cầu kỹ thuật, đáp ứng đủ số lượng và quy cách theo yêu cầu của khách hàng. Giá trị thương hiệu của công ty cũng ngày càng tăng lên thông qua việc đảm bảo chất lượng sản phẩm và uy tín trong kinh doanh.

b) Khó khăn

Mặc dù nền kinh tế thế giới và nền kinh tế Việt Nam có nhiều chuyển biến tích cực nhưng tình hình thị trường tiêu thụ than và xi măng vẫn còn nhiều khó khăn. Giá nguyên liệu đầu vào biến động lớn, nhất là giá nguyên liệu nhựa biến động khó lường, chi phí đầu vào tăng cao do ảnh hưởng từ chính sách vĩ mô của nhà nước. Trong khi đó, ngành Than đang đẩy mạnh tái cơ cấu các doanh nghiệp trong ngành, phá bỏ dần sự bảo hộ của Nhà nước. Giá bán lưới thép trong năm 2016 đã giảm 10% so với năm 2015 làm cho áp lực cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm quyết liệt hơn. Ngoài ra, sau khi Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam TKV- thực hiện tái cơ cấu kinh tế, Công ty không còn nhận được lợi thế bảo hộ của Tập đoàn nữa thì sẽ phải đương đầu với sự cạnh tranh gay gắt về giá cả và phương thức bán hàng với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

a) Vị thế của công ty trong ngành

- Trải qua hơn 30 năm phấn đấu xây dựng và trưởng thành, Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI đã và đang khẳng định vị thế của mình, nhận được sự tin tưởng của khách hàng, đối tác cũng như các nhà đầu tư.

- Công ty có được sự hỗ trợ tích cực từ tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam cũng như Tổng công ty Mỏ Việt Bắc TKV – CTCP trong việc hỗ trợ tài chính cũng như thị trường tiêu thụ sản phẩm;

- Công ty có nguồn nhân lực có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh. Đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, luôn đoàn kết, gắn bó lâu dài với Công ty. Đồng thời Ban Giám đốc cũng luôn quan tâm đến đời sống và chế độ lương thưởng đối với cán bộ nhân viên;

- Công ty sử dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại, được quy trình hóa rõ ràng.



- Sự quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc luôn thống nhất và sát sao với tình hình hiện có của doanh nghiệp, từng bước đưa Công ty vượt qua được những khó khăn trước mắt, nâng cao năng lực cạnh tranh và thực hiện thành công chiến lược phát triển lâu dài của công ty

b) Triển vọng phát triển của ngành

Tiếp nối đà tăng trưởng năm 2015, Chính phủ đặt mục tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2016 đạt 6,7% và tốc độ CPI đạt dưới 5%, cho thấy tăng trưởng kinh tế tiếp tục được thúc đẩy mạnh. Ngoài ra, Chính phủ còn đề ra chiến lược phát triển, nâng cấp tổng thể hạ tầng giao thông theo hướng hiện đại hóa ngang bằng với các nước công nghiệp trên thế giới trong giai đoạn 2016-2020. Đây là yếu tố tích cực hỗ trợ ngành sản xuất xi măng nói chung và ngành sản xuất bao bì xi măng nói riêng.

Hoạt động sản xuất và kinh doanh các phụ kiện hầm lò như lưới thép lót nóc lò, gông lò... của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ hoạt động khai thác Than. Theo chỉ đạo mới của Nhà nước, tới năm 2020, định hướng đến năm 2030 thì một số Đề án thăm dò, khai thác chế biến và sử dụng than đồng bằng sông Hồng đang được đưa vào hoạt động. Bên cạnh đó, sẽ tiếp tục bổ sung thăm dò các vùng than Bình Minh, Khoái Châu trên diện tích 85,5 km² tại tỉnh Hưng yên và Dải than Đông Triều- Phả Lại. Ngoài ra, nhu cầu sử dụng Than để đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia dự kiến đến năm 2020 đạt 50-60 triệu tấn, năm 2025 đạt 70-75 triệu tấn. Đây là những hiệu tích cực về sức cầu than trong những năm tới, gián tiếp khẳng định nhu cầu sử dụng các phụ kiện hầm lò để khai thác than sẽ phát triển mạnh trong tương lai.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Số lượng cán bộ nhân viên của công ty

Tổng số nhân viên của Công ty tính đến thời điểm 30/06/2016: 240 người

Cơ cấu lao động tại Công ty tại thời điểm 30/06/2016

TT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
1.	Cán bộ quản lý	21	9,29
2.	Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ		
3.	Nhân viên hành chính, kỹ thuật, nghiệp vụ	24	10,62
4.	Nhân viên phục vụ	19	8,41
5.	Công nhân lao động	162	71,68



Tổng cộng	226	100
------------------	------------	------------

Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn:

1.	Trình độ thạc sỹ		
2.	Trình độ đại học, cao đẳng	88	38,94
3.	Trình độ trung cấp	13	5,75
4.	Công nhân kỹ thuật	110	48,67
5.	Lao động phổ thông	15	6,64
Tổng cộng		226	100

Nguồn: CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI

8.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- Áp dụng chính sách đào tạo và bồi dưỡng nâng bậc thợ theo chính sách lao động áp dụng với DN nhà nước. Sử dụng thang bảng lương áp dụng cho DN nhà nước.
- Tiền lương và thu nhập thực tế của người lao động được trả đầy đủ, kịp thời, đúng kỳ hạn và được thể hiện đầy đủ trong sổ lương của từng cá nhân và sổ lương doanh nghiệp;
- Các cán bộ, công nhân viên công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho các bộ công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty đã cử tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực quản lý cho cán bộ.
- Có chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng công khai minh bạch, xây dựng chế độ lương, thưởng thích đáng với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh, trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền và lợi ích theo đúng năng lực cá nhân.
- Công tác định mức lao động, xây dựng và giao đơn giá tiền lương, nghiệm thu, quyết toán lương hàng tháng, được thực hiện đầy đủ kịp thời;
- Việc quản lý bổ sung hồ sơ CBCNV, sổ BHXH, giải quyết các thủ tục HĐLĐ, tiếp nhận, điều động, nghỉ hưu, chấm dứt HĐLĐ thực hiện đầy đủ, đúng quy định;
- Theo dõi giải quyết các chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội, hưu trí, ốm đau thai sản, nghỉ dưỡng sức, nghỉ phép, điều dưỡng, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại... cho người lao động đầy đủ kịp thời theo đúng quy định của Pháp luật và các quy chế của công ty



8.3 Mức lương bình quân

Người lao động có đủ việc làm, năng suất lao động tăng, thu nhập đảm bảo, người lao động yên tâm công tác. Mức lương bình quân của Cán bộ nhân viên tăng trưởng qua các năm:

- Năm 2014: 6.607.757 đồng/người/tháng
- Năm 2015: 7.020.000 đồng/người/tháng

9. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật, mức cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng Cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
- Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

Tỷ lệ chi trả cổ tức qua các năm

Năm	2014	2015
Tỷ lệ chi trả cổ tức	15%	15%
Hình thức chi trả	Tiền mặt	Tiền mặt

Nguồn: CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI

10. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do bộ tài chính ban hành.

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ **Khấu hao tài sản cố định:** Công ty thực hiện chính sách kế toán đối với TSCĐ và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Theo đó, Công ty trích lập khấu hao theo phương pháp đường thẳng.



- Nhà cửa, vật kiến trúc: 05 – 25 năm
- Máy móc thiết bị: 05 – 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 06 – 10 năm
- Dụng cụ quản lý: 05 năm
- Quyền sử dụng đất: 50 năm

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn qua các năm. Căn cứ vào BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC chính kiểm toán soát xét 06 tháng đầu năm 2016, Công ty không có khoản nợ phải trả quá hạn.

❖ Các khoản phải nộp theo quy định: Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế GTGT, thuế TNDN và các khoản thuế khác theo quy định nhà nước.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
1.	Thuế giá trị gia tăng	640.200.306	627.042.255	100.947.381
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	149.556.477	319.214.217	459.689.589
3.	Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
4.	Thuế thu nhập cá nhân	299.997	630.000	-
5.	Các loại thuế khác	-	-	-
6.	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
	Cộng	790.056.780	946.886.472	560.636.970

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và BCTC kiểm toán soát xét 06 tháng năm 2016 của CTCP

Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI

❖ Trích lập các quỹ theo luật định: Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể từng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.



Số dư các quỹ của Công ty

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
1	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	1.570.920.781	2.181.413.672	1.879.409.772
2	Quỹ Đầu tư phát triển	3.185.153.820	3.620.114.336	1.865.250.793

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và BCTC kiểm toán soát xét 06 tháng năm 2016 của CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI của Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI

❖ Tổng dư nợ vay

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14.031.189.485	23.698.384.507	19.899.221.776
- NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Anh	14.031.189.485	21.371.934.087	12.224.062.392
- NH TMCP Quân đội- CN Đông Anh	-	2.326.450.420	-
- NH TMCP Ngoại thương – CN Hoàng Mai			7.675.159.384
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-
Tổng dư nợ vay	14.031.189.485	23.698.384.507	19.899.221.776

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và BCTC kiểm toán soát xét 06 tháng năm 2016 của CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI

❖ Tình hình công nợ

Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	50.344.574.390	61.030.683.755	97.478.655.944
1.	Phải thu khách hàng	50.173.187.738	62.013.068.530	98.167.383.873
-	CTCP Xi măng La Hiên VVMI	8.645.929.697	9.051.403.700	9.931.057.699
-	CTy Than Khe Chàm	9.733.327.671	12.860.924.839	9.363.357.757
-	CT TNHH MTV Than Hòn Gai	7.989.616.650	682.756.800	2.489.750.000
-	Các khoản phải thu khách hàng khác	23.804.313.720	39.417.983.191	76.383.218.417



2.	Trả trước cho người bán	865.460.500	200.000.000	403.239.320
3.	Các khoản phải thu khác	1.187.266.131	698.955.204	789.372.730
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-1.881.339.979	-1.881.339.979	-1.881.339.979
II	Các khoản phải thu dài hạn	24.740.100	7.362.500	7.362.500
1	Phải thu dài hạn khác	24.740.100	7.362.500	7.362.500
	Tổng cộng các khoản phải thu	50.369.314.490	61.038.046.255	97.486.018.444

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và BCTC kiểm toán soát xét 06 tháng năm 2016 của CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI

Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
I.	Nợ ngắn hạn	76.742.900.106	75.861.695.638	107.494.959.517
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	49.589.580.531	33.276.870.057	70.808.154.733
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	408.321.000	-	49.142.000
3.	Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	790.056.780	946.886.472	560.636.970
4.	Phải trả người lao động	6.626.335.388	7.345.204.857	6.680.180.772
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	12.398.311	44.039.883	2.700.536.392
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	47.381.063	-	-
7.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	47.727.283
8.	Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.666.716.767	8.368.896.190	4.329.949.819
9.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14.031.189.485	23.698.384.507	19.899.221.776
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	540.000.000
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.570.920.781	2.181.413.672	1.879.409.772
II.	Nợ dài hạn	11.675.460	164.402.731	78.493.632
1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	9.545.460	162.272.731	76.363.632
2.	Phải trả dài hạn khác	2.130.000	2.130.000	2.130.000
	Tổng cộng	76.754.575.566	76.026.098.369	107.573.453.149

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và BCTC kiểm toán soát xét 06 tháng năm 2016 của CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI



10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,99	1,08
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,72	0,82
2. Chỉ tiêu cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	lần	0,86	0,84
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	lần	6,07	5,29
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	lần	4,53	4,55
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK bình quân)	vòng	19,003	18,355
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	0,73%	0,92%
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	24,97%	27,9%
Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	3,53%	4,19%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,79%	1,19%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 của CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI)

12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)

12.1. Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: nghìn VNĐ

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	% GTCL/ Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	46.105.780	37.976.198	8.129.582	17,63
Nhà cửa và vật kiến trúc	12.421.854	8.227.593	4.194.261	33,76
Máy móc thiết bị	29.542.956	26.787.763	2.755.193	9,33



Phương tiện vận tải	3.904.680	2.738.671	1.166.008	29,86
Thiết bị văn phòng	236.290	222.171	14.119	5,98
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 của CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI)

12.2. Tình hình đất đai tại thời điểm 30/06/2016:

TT	Địa điểm	Diện tích	Hình thức (giao, thuê)	Thời gian thuê đất	Mục đích sử dụng
1.	Tổ 12 thị trấn Đông Anh – TP Hà Nội	15.500 m ²	Thuê 50 năm	từ năm 2012 đến năm 2062	Trụ sở công ty và cơ sở sản xuất kinh doanh của Công ty
2.	Tổ 4 thị trấn Đông Anh – TP Hà Nội	800,7 m ²	Thuê 50 năm	từ năm 2013 đến năm 2063	Làm Văn phòng kinh doanh và giới thiệu sản phẩm
3.	Thông trung, Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	15.000 m ²	Đất có quy hoạch của Thành phố Hà Nội		Chi nhánh Công ty

Nguồn: CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016, 2017

Đơn vị tính: nghìn VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	% tăng/ giảm so với thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2017	% tăng/ giảm so với kế hoạch năm 2016
Vốn điều lệ	12.500.000	-	12.500.000	-
Doanh thu thuần	356.000.000	-12,98%	340.000.000	-4,49
Lợi nhuận sau thuế	2.800.000	-25,69%	3.040.000	8,57
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,79%	-	0,89%	-



Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	22.4%	-	24,32%	-
Tỷ lệ trả cổ tức	12%	-	12%	-

(Nguồn: CTCP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI)

Căn cứ thực hiện kế hoạch kinh doanh:

Mặc dù Doanh thu thuần 06 tháng năm 2016 chỉ tăng trưởng nhẹ so với 06 tháng đầu năm 2015 nhưng Lợi nhuận gộp tăng 13,67% so với cùng kỳ năm 2015, đồng thời Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2016 đạt 90% so với kế hoạch năm 2016. Nguyên nhân do trong năm 2015, Công ty đã thực hiện sửa chữa nhiều hạng mục kiến trúc như nhà kho thành phẩm vỏ bao xi măng, hệ thống thoát nước, nhà văn phòng xưởng lưới thép... khiến cho Giá vốn hàng bán cao hơn so với cùng kỳ năm 2016 là gần 1,8 tỷ đồng.

Trong bối cảnh Ngành Than gặp khó khăn trong tiêu thụ khiến cho các dịch vụ phục vụ cho khai thác than cũng giảm theo, thị trường tiêu thụ xi măng tiếp tục dư thừa nguồn cung khi có nhiều dây chuyền mới bắt đầu đi vào sản xuất, riêng Công ty còn phải đối mặt với những khó khăn khi Ngành Than đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp, phá bỏ sự bảo hộ, các yếu tố chi phí cho sản xuất tăng, giá bán lưới thép, vỏ bao xi măng giảm khiến cho áp lực cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm rất quyết liệt, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn. Do đó, Ban điều hành Công ty đã đưa ra kế hoạch kinh doanh trong năm 2016 và 2017 khiêm tốn hơn so với thực hiện năm 2015. Tuy nhiên, từ năm 2017, mặc dù dự báo doanh thu giảm do giá bán giảm nhưng lợi nhuận công ty sẽ có sự tăng trưởng do Ban điều hành sẽ kiên quyết thực hiện các giải pháp làm giảm chi phí sản xuất.

Để đạt được kết quả kinh doanh trên, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện sau:

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện lại các định mức, chi phí giao khoán cho các đơn vị, triệt để tiết kiệm chi phí vật tư, nguyên liệu đầu vào.
- Ổn định chất lượng sản phẩm, tăng cường công tác tiếp thị để giữ vững thị trường truyền thống, phát triển thêm thị trường mới cho các sản phẩm đồng dạng như vỏ bao Hydroxit nhôm, vỏ bao thuốc nổ ... Trong lĩnh vực kinh doanh có chính sách để thu hút nhân tài để tăng doanh thu kinh doanh vật tư hàng hóa.
- Thực hiện điều hành công tác tài chính, phù hợp với kế hoạch và cơ chế khoán cho từng đơn vị, tích cực hoàn thiện hồ sơ thanh toán để thu tiền hàng, tăng nhanh vòng quay của vốn để giảm lãi vay ngân hàng. Phần đầu giảm tới mức thấp nhất hệ số nợ phải thu, nợ phải



trả trên vốn chủ sở hữu. Đàm phán với ngân hàng để được tài trợ vốn với mức lãi suất thấp nhất.

- Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực đào tạo, xây dựng đội ngũ kế thừa tinh thông nghiệp vụ, tay nghề giỏi, có phẩm chất đạo đức, có năng lực quản lý, điều hành công ty phát triển.
- Thực hiện mọi biện pháp để đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất, thường xuyên kiểm tra theo dõi phát hiện những nguy cơ mất an toàn để ngăn chặn kịp thời không để xảy ra tai nạn lao động, kể cả tai nạn lao động nhẹ.
- Sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có, các lợi thế về đất đai vị trí địa lý xây dựng chiến lược phát triển công ty trong ngắn hạn và dài hạn.

14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Mục tiêu của công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI trong năm 2016 và các năm tới là:

- Duy trì ổn định sản xuất, cải tạo đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm;
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí;
- Nâng cao hiệu quả hoạt động, nhằm tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho cổ đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Để đạt được mục tiêu trên, Công ty đã hoạch định những chiến lược trung và dài hạn rõ ràng, cụ thể:

➤ Chiến lược về sản phẩm và thị trường

- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao;
- Đa dạng hóa sản phẩm vỏ bao xi măng và lưới thép, nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định đà phát triển, xây dựng thương hiệu sản phẩm Công ty trở thành một thương hiệu mạnh;
- Tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ vỏ bao xi măng và lưới thép đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai;
- Tích cực trong quản lý thị trường, tổ chức mạng lưới tiếp thị chặt chẽ, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, đánh giá các đối tượng cạnh tranh để đưa ra chính sách phù hợp.



➤ ***Chiến lược đầu tư công nghệ***

- Tích cực nghiên cứu, tìm kiếm các nguyên liệu, vật liệu mới để giảm giá thành sản xuất nhưng vẫn đạt tiêu chuẩn chất lượng;
- Đầu tư chiều sâu công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng và hạ giá thành sản phẩm để đủ sức cạnh tranh trên thị trường;
- Phát huy sáng kiến trong tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới;
- Tiếp tục có những giải pháp cải tạo công nghệ, thiết bị trong dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, điện năng để tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh..

➤ ***Chiến lược về tài chính***

- Xây dựng các quy chế quản lý tài chính phù hợp theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác quản trị chi phí trong các công đoạn;
- Thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ đảm bảo an toàn vốn góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty;
- Chủ động công bố minh bạch thông tin để cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính của Công ty;
- Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp để cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty sao cho hợp lý, đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ;
- Tích cực đưa ra giải pháp để giảm hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu; tăng hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn;
- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

➤ ***Chiến lược nhân sự***

- Cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất. Xây dựng các phương án sắp xếp lao động phù hợp theo hướng giảm lao động gián tiếp, lao động phục vụ, phụ trợ bổ sung tăng cường lao động vào dây chuyền sản xuất chính.
- Đào tạo nâng cao tay nghề cho thợ vận hành, công nhân viên chức trong toàn Công ty;
- Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ trong các phòng ban Công ty;
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật năng động, có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi;



- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty: Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty: Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên

Danh sách thành viên hội đồng quản trị công ty

STT	Họ và tên thành viên	Chức danh trong HĐQT
1	Đông Quang Lực	Chủ tịch HĐQT (không điều hành)
2	Phạm Đức Khiêm	Thành viên (điều hành)
3	Phạm Đình Tuấn	Thành viên (điều hành)
4	Ngô Minh Vinh	Thành viên (điều hành)
5	Lưu Văn Hưng	Thành viên (không điều hành)

1.1 Ông Đông Quang Lực – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Đông Quang Lực

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 06/10/1965

- Nơi sinh: Xã Hùng Sơn - Huyện Đại Từ - Tỉnh Thái Nguyên

- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

- Điện thoại: 0982 851682

- Chứng minh thư nhân dân số: 090526845

Nơi cấp: 19/05/2004

Ngày cấp: CA. Thái Nguyên

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Quản lý vốn - Tổng Công ty CN mở Việt Bắc TKV - CTCP

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu cho Tổng Công ty công nghiệp mở Việt Bắc TKV-CTCP: 637.500 cổ phiếu, chiếm 51% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu



- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu

- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/1995 đến 10/1996	Nhà máy xi măng La Hiên	Phó phòng công nghệ
Từ 10/1996 đến 12/2003	Nhà máy xi măng La Hiên	Trưởng phòng công nghệ
Từ 01/2004 đến 8/2007	Nhà máy xi măng La Hiên	Phó Giám đốc
Từ 8/2007 đến 12/2015	CTCP Xi măng Tân Quang	Giám đốc
Từ T01/2016 đến nay	Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	TP Phòng quản lý vốn
Từ 31/03/2016 đến nay	CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vật tư Thiết bị VVMI	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên HĐQT

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

1.2 Ông Phạm Đức Khiêm – Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty

- Họ và tên: Phạm Đức Khiêm

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 08/5/1968

- Nơi sinh: Xã Xuân Canh - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thôn Lục Canh - Xã Xuân Canh - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội

- Điện thoại: 0913 323 055

- Chứng minh thư nhân dân số: 001068004275

- Nơi cấp: Do cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QL về dân cư. Ngày cấp: 11/8/2015

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành khai thác mỏ, cử nhân Kế toán

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Giám đốc Công ty, thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 148.671 cổ phiếu, chiếm 24,27% vốn điều lệ

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu

- Quá trình công tác



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T4/1992 đến T12/1993	Xí nghiệp Vật tư Vận tải và Chế biến Than	Nhân viên kế toán
Từ T1/1994 đến T12/2004	Xí nghiệp Vật tư Vận tải và Chế biến Than	Quản đốc Xưởng II Xưởng SX lưới thép
Từ T1/2005 đến T12/2006	CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Trưởng phòng Kinh doanh tiêu thụ
Từ T1/2007 đến T12/2007	CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Chuyên viên Phòng Kinh doanh tiêu thụ
Từ T1/2008 đến T6/2009	CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Trưởng phòng Kinh doanh tiêu thụ
Từ T7/2009 đến T5/2010	Chi nhánh CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Phó Giám đốc
Từ T6/2010 đến T4/2011	Chi nhánh CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Giám đốc
Từ T5/2011 đến T9/2014	CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh
Từ T10/2014 đến T3/2016	CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Phó Giám đốc
Từ T4/2016 đến nay	CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Giám đốc
Từ T3/2015 đến nay	CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Thành viên HĐQT

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

1.3 Ông Phạm Đình Tuấn – Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty

- Họ và tên: Phạm Đình Tuấn
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/3/1968
- Nơi sinh: Thị xã Bắc Giang - Tỉnh Hà Bắc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Quang Trung - Ưông Bí - Quảng Ninh



- Điện thoại: 0913 002 934
- Chứng minh thư nhân dân số: 101050679
- Nơi cấp: Do Công an Quảng Ninh. Ngày cấp: 06/02/2007
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế QTDN mở, Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty, Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 32.624 cổ phiếu, chiếm 5,33% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T1/1997 đến T4/1998	XN Dịch vụ xây dựng và khai thác khoáng sản	Nhân viên Kế toán
Từ T5/1998 đến T8/2001	XN Dịch vụ xây dựng và khai thác khoáng sản	Phó phòng kế toán
Từ T9/2001 đến T8/2003	XN Dịch vụ xây dựng và khai thác khoáng sản	Phó phòng Kế hoạch lao động tiền lương
Từ T9/2003 đến T4/2004	XN Dịch vụ xây dựng và khai thác khoáng sản	Trưởng phòng Kế hoạch lao động tiền lương
Từ T5/2004 đến T9/2004	XN Dịch vụ xây dựng và khai thác khoáng sản	TP. Kế hoạch vật tư
Từ T10/2004 đến T6/2006	XN Dịch vụ xây dựng và khai thác khoáng sản	TP. Kế toán thống kê tài chính
Từ T7/2006 đến T2/2007	XN Dịch vụ xây dựng và khai thác khoáng sản - Công ty than Nội địa	Kế toán trưởng
Từ T3/2007 đến T1/2010	Chi nhánh Cty TNHH MTV Công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV tại Quảng Ninh	Kế toán trưởng
Từ T2/2010 đến nay	CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Kế toán trưởng
Từ T3/2016 đến nay	CTCP Sản xuất và Kinh doanh	Thành viên HĐQT



	<p> vật tư thiết bị VVMI </p>	
--	---	--

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

1.4 Ông Ngô Minh Vinh – Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty

- Họ và tên: Ngô Minh Vinh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/11/1964
- Nơi sinh: Vân Hà - Đông Anh - Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Vân Hà - Đông Anh - Hà Nội.
- Điện thoại: 0983 647 292
- Chứng minh thư nhân dân số: 011199541
- Nơi cấp: Hà Nội. Ngày cấp: 26/4/2006
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp mỏ.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty, thành viên HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,16% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T1/1993 đến T10/1998	Mỏ than Làng Cắm	Kỹ sư
Từ T11/1998 đến T3/2005	Tổng Công ty than Nội địa	Kỹ sư phòng cơ điện
Từ T4/2005 đến T7/2007	CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	TP. KTCĐ AT
Từ T8/2007 đến nay	CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Phó Giám đốc
Từ T3/2015 đến nay	CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Thành viên HĐQT

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên HĐQT



- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

1.5 Ông Luru Văn Hưng – Thành viên HĐQT công ty

- Họ và tên: Luru Văn Hưng

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 12/5/1957

- Nơi sinh: Xã Mộc Bắc - Huyện Duy Tiên - Tỉnh Hà Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: phòng 303 nhà N1, Chung cư Đồng Tàu, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

- Điện thoại: 0985 446 395

- Chứng minh thư nhân dân số: 0133483225

Nơi cấp: CA TP Hà Nội Ngày cấp: 21/09/2010

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng tổ chức cán bộ Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV – CTCP

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T7/1977 đến T10/1992	Cục chính trị quân khu I	Thiếu tá trợ lý phòng bảo vệ an ninh
Từ T11/1992 đến T6/1993	Mỏ than Núi Hồng	Cán bộ thanh tra phòng bảo vệ
Từ T7/1993 đến T12/1997	Mỏ than Núi Hồng	Phó phòng bảo vệ
Từ T01/1998 đến T11/2001	Mỏ than Núi Hồng	Trưởng phòng bảo vệ
Từ T12/2001 đến T9/2004	Mỏ than Núi Hồng	Trưởng phòng Tổ chức Lao động
Từ T10/2004 đến T12/2008	XN than Núi Hồng	Chuyên viên cao cấp, trưởng phòng Tổ chức Lao động
Từ T01/2009 đến T8/2009	XN than Núi Hồng	Phó giám đốc



Từ T9/2009 đến T12/2013	Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc-Vinacomin	Chuyên viên cao cấp, trưởng phòng Tổ chức cán bộ
Từ T01/2014 đến nay	Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Trưởng phòng Tổ chức cán bộ
Từ T03/2015 đến nay	CTCP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Thành viên HĐQT

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2. Ban kiểm soát

Danh sách thành viên ban kiểm soát công ty

TT	Họ và tên	Chức danh trong Ban kiểm soát
1	Nguyễn Hồng Hạnh	Trưởng ban kiểm soát
2	Lê Thị Hồng Cẩm	Thành viên Ban kiểm soát
3	Tô Toàn Thắng	Thành viên Ban kiểm soát

2.1 Bà Nguyễn Hồng Hạnh – Trưởng ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Hồng Hạnh
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/6/1975
- Nơi sinh: Xã Đình Bảng - Huyện Từ Sơn - Tỉnh Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Quận Đống Đa - TP Hà Nội
- Điện thoại: 0912 181819
- Chứng minh thư nhân dân số: 011715618;
- Ngày cấp: 06/12/2000, Nơi cấp: Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Trưởng phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính - Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV – CTCP
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu



- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T9/1995 đến T9/1996	Tổng Công ty than Nội địa	Chuyên viên Phòng Kế toán
Từ T10/1996 đến T12/1996	Tổng Công ty than Nội địa	Nhân viên Phòng kiểm toán Nội bộ
Từ T01/1997 đến T3/1998	Tổng Công ty than Nội địa	Nhân viên
Từ T04/1998 đến T7/2006	Tổng Công ty than Nội địa	Chuyên viên Phòng kế toán
Từ T8/2009 đến T2/2010	Tổng Cty CN mỏ Việt Bắc - TKV	Chuyên viên, phó phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính
Từ T3/2010 đến T5/2015	Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc- Vinacomin	Chuyên viên, phó phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính
Từ T06/2015 đến nay	Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Chuyên viên, phó phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính
Từ T03/2015 đến nay	Công ty Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Trưởng ban kiểm soát

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.2 Bà Lê Thị Hồng Cẩm - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Lê Thị Hồng Cẩm
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 22/7/1979
- Nơi sinh: Xã Thanh Lâm - Huyện Mê Linh - Tỉnh Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam



- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: nhà số 2, ngõ 234, đường Trường Chinh, quận Thanh Xuân TP Hà Nội
- Điện thoại: 090 327 9799
- Chứng minh thư nhân dân số: 012313120
- Ngày cấp: 23/10/2014, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QL về dân cư
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên phòng Kế toán Thống kê Tài chính - Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T8/2001 đến T9/2004	Tổng Công ty than Nội địa	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán
Từ T10/2004 đến nay	Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Chuyên viên Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính
Từ T3/2015 đến nay	Công ty Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Thành viên Ban kiểm soát

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.3 Ông Tô Toàn Thắng – Thành viên ban kiểm soát

- Họ và tên: Tô Toàn Thắng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/6/1975
- Nơi sinh: Phần Mễ - Phú Lương - Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 28 - Quan Hoa - Cầu Giấy - Hà Nội.



- Điện thoại: 0903 408 871
- Chứng minh thư nhân dân số: 012711787
- Nơi cấp: Do Công an Hà Nội. Ngày cấp: 25/12/2007.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Quản đốc Xưởng SX lưới thép Công ty, Thành viên BKS Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 9.958 cổ phiếu, chiếm 1,63% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T2/2001 đến T9/2005	Công ty Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Công nhân Xưởng SX Lưới thép
Từ T10/2005 đến T5/2007	Công ty Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Nhân viên bảo vệ tuần tra canh gác tại các kho
Từ T6/2007 đến T4/2010	Công ty Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Chuyên viên Xưởng SX Lưới thép
Từ T5/2010 đến T2/2014	Công ty Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Phó Quản đốc Xưởng SX Lưới thép
Từ T3/2014 đến nay	Công ty Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Quản đốc Xưởng SX Lưới thép
Từ T3/2015 đến nay	Công ty Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Thành viên Ban kiểm soát

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Phụ cấp thành viên Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3. Giám đốc và các cán bộ quản lý.

TT	Họ và tên	Chức danh quản lý
1	Phạm Đức Khiêm	Giám đốc
2	Ngô Minh Vinh	Phó giám đốc
3	Phạm Đình Tuấn	Kế toán trưởng

3.1 Ông Phạm Đức Khiêm– Giám đốc công ty



Thông tin đã được đề cập ở mục Thành viên hội đồng quản trị

3.2 Ông Ngô Minh Vinh – Phó giám đốc công ty

Thông tin đã được đề cập ở mục Thành viên hội đồng quản trị

3.3 Ông Phạm Đình Tuấn – Kế toán trưởng công ty

Thông tin đã được đề cập ở mục Thành viên hội đồng quản trị

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Trên cơ sở mô hình và cơ cấu tổ chức đã được xây dựng, công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận/ đơn vị; xây dựng quy chế hoạt động, đồng thời tập trung đào tạo nguồn nhân lực kế cận, khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên công ty nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn.

Theo đó, công ty sẽ thực hiện xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế, quy định mới làm cơ sở chi phối tất cả các hoạt động thường xuyên, cụ thể như sau:

- Điều lệ công ty;
- Quy chế tài chính; Quy chế quản lý người đại diện tại doanh nghiệp khác;
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Các quy chế, quy định nội bộ khác.

III. PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất
2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, báo cáo tài chính soát xét 06 tháng năm 2016



Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2016

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI**

Giám đốc

PHẠM ĐỨC KHIÊM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



ĐỒNG QUANG LƯỢC

Trưởng ban Kiểm soát

NGUYỄN HỒNG HẠNH

Kế toán trưởng

PHẠM ĐÌNH TUẤN

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
QUỐC TẾ VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**



VŨ HOÀNG MINH